

Số: **34** /2022/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **05** tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của
Chính phủ về công tác dân tộc;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh,
thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9
năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các
cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của
Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan
chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;*

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Dân tộc Thành phố tại Tờ trình số 10/TTr-BDT ngày 08 tháng 7 năm 2022; ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2877/BC-STP-KTrVB ngày 24 tháng 6 năm 2022; ý kiến của Sở Nội vụ tại Công văn số 2279/SNV-TCBC&TCPCP ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Tờ trình số 3888/TTr-SNV ngày 24 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2022.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Dân tộc Thành phố.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban Ban Dân tộc Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố và các quận, huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Ủy ban MTTQVN và các Đoàn thể Thành phố;
- Sở Nội vụ; Sở Tư pháp;
- Công báo Thành phố;
- VPUB: PCVP;
- Các Phòng NCTH;
- Lưu: VT, (VX/Đn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phan Văn Mãi

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Ban Dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh**
(Kèm theo Quyết định số **34** /2022/QĐ-UBND
ngày **05** tháng **10** năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Dân tộc Thành phố là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Ban Dân tộc Thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

3. Trụ sở làm việc của Ban Dân tộc Thành phố đặt tại số 108 Ngô Quyền, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố:

Quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án và chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn Thành phố;

Phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc cho Ban Dân tộc Thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện);

Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc Thành phố;

Thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công về lĩnh vực công tác dân tộc và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

b) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về lĩnh vực công tác dân tộc đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị của địa phương theo quy định của Đảng, của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Ban hành quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Dân tộc Thành phố;

b) Ban hành Quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về lĩnh vực quản lý nhà nước của Ban Dân tộc Thành phố.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công tác dân tộc đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì, quản lý, chỉ đạo; các chính sách, đề án, công tác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết công tác giảm nghèo bền vững và công tác khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố.

5. Tham mưu, tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ, chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của Thành phố; khen thưởng và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu xuất sắc: trong công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc; trong lao động sản xuất, giảm nghèo; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữ gìn an ninh, trật tự góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố.

6. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham giúp Ủy ban nhân dân Thành phố xác định xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo trình độ phát triển; các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; quyết định công nhận, bổ sung hoặc đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đúng trình tự, thủ tục theo các quy định hiện hành và tổ chức thực hiện chính sách đối với người có uy tín.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện và công chức được bố trí làm công tác dân tộc đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa đủ điều kiện thành lập Phòng Dân tộc và

công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế về công tác dân tộc và các lĩnh vực được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

10. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc Thành phố; xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong lĩnh vực công tác được giao theo quy định của pháp luật.

11. Tiếp nhận các kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số, xem xét giải quyết hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

12. Tham gia, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án do các sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố.

13. Phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ công chức, viên chức dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện và công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm hợp lý cơ cấu tỷ lệ thành phần dân tộc trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm việc tại cơ quan nhà nước ở địa phương.

14. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dân tộc nội trú theo quy định; tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức biểu dương, tuyên dương giáo viên; học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố.

15. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Ban Dân tộc Thành phố; mối quan hệ công tác và trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị thuộc Ban Dân tộc Thành phố theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức; thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ, chính sách khác đối với công chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Dân tộc Thành phố theo quy định và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

17. Thực hiện công tác thống kê, công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban Dân tộc.

18. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

19. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Chương II **CƠ CẤU TỔ CHỨC**

Điều 3. Lãnh đạo Ban Dân tộc Thành phố

1. Ban Dân tộc Thành phố có Trưởng ban và hai Phó Trưởng ban. Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật.

2. Ban Dân tộc Thành phố làm việc theo chế độ thủ trưởng, Trưởng ban Ban Dân tộc Thành phố là Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố bầu, là người đứng đầu Ban Dân tộc Thành phố; là chủ tài khoản cơ quan Ban Dân tộc Thành phố, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Dân tộc Thành phố và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố và Quyết định phân công công tác đối với thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Phó Trưởng ban là người giúp Trưởng ban chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; khi Trưởng ban vắng mặt hoặc khi cần thiết, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy nhiệm điều hành hoạt động của Ban Dân tộc Thành phố.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

5. Trưởng ban quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, cho từ chức, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Dân tộc Thành phố trừ các chức danh do Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Giám đốc Sở Nội vụ bổ nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức và biên chế của Ban Dân tộc Thành phố

1. Các đơn vị thuộc Ban, gồm:

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Nghiệp vụ.

Số lượng cấp phó các đơn vị thuộc Ban thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Trưởng ban có trách nhiệm ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Ban Dân tộc Thành phố.

3. Việc thành lập hoặc tổ chức lại các đơn vị thuộc Ban Dân tộc Thành phố do Trưởng ban chủ trì, phối hợp Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

4. Biên chế công chức của Ban Dân tộc Thành phố được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Thành phố được cấp có thẩm quyền giao.

Chương III MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Đối với Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban Dân tộc

1. Ban Dân tộc Thành phố chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

2. Ban Dân tộc Thành phố có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc phối hợp giữa Ủy ban nhân dân Thành phố với Ủy ban Dân tộc để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật.

3. Ban Dân tộc Thành phố có trách nhiệm thường xuyên quan hệ chặt chẽ để báo cáo, tiếp nhận các chủ trương, chính sách, các ý kiến chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban Dân tộc để kịp thời tổ chức triển khai thực hiện trên lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn Thành phố.

Điều 6. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên

Ban Dân tộc Thành phố phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên của Mặt trận thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn Thành phố.

Điều 7. Đối với các sở - ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện

1. Quan hệ giữa Ban Dân tộc Thành phố với các sở - ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện là quan hệ phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân tộc Thành phố được Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban Dân tộc giao.

2. Ban Dân tộc Thành phố chủ động bàn bạc, trao đổi, thực hiện công tác phối hợp, cùng nhau giải quyết những khó khăn vướng mắc trong công tác; đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Khi giải quyết những vấn đề liên quan đến nhiều Sở - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện thì Trưởng ban Ban Dân tộc Thành phố phải chịu trách nhiệm về nội dung phối hợp với các ngành, địa phương đó.

4. Trưởng ban Ban Dân tộc Thành phố làm việc trực tiếp hoặc ủy nhiệm cho Phó Trưởng ban làm việc với các cơ quan, đơn vị và địa phương; nếu không thống nhất được công việc có liên quan thì báo cáo lại để xin ý kiến của Trưởng ban và sau đó phải có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

Điều 8. Đối với cơ quan phụ trách công tác dân tộc ở thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

1. Mọi quan hệ giữa Ban Dân tộc Thành phố với cơ quan phụ trách công tác dân tộc ở thành phố Thủ Đức và các quận, huyện là quan hệ hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra hoạt động trong việc chấp hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương.

2. Ban Dân tộc Thành phố có trách nhiệm triển khai, phổ biến các chủ trương, chính sách, quy định của Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác dân tộc trên địa bàn; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được giao của bộ phận phụ trách công tác dân tộc ở thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Trưởng ban Ban Dân tộc Thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và cụ thể hóa một số quy định có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công tác dân tộc ở địa phương để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc đạt hiệu quả.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung Quy định thì Ban Dân tộc Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.